

Số: **311** /BC-STP

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Ngày 12/11/2019, Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 791/SNV-VP ngày 11/11/2019 của Sở Nội vụ về việc đề nghị thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (*dự thảo Quyết định ban hành Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*). Sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN

- Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
- Luật cán bộ, công chức năm 2008;
- Luật viên chức năm 2010;
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;
- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;
- Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ Quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;
- Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;
- Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập
- Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ Quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
- Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức (*sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 88/2017/NĐ-CP*);
- Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ Quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

- Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

- Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ;

- Thông tư số 08/2019/TT-BNV ngày 10/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ;

- Văn bản số 2870/BNV-TCBC ngày 26/6/2018 của Bộ Nội vụ về việc báo cáo số liệu theo Nghị định số 46/2010/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP và biên chế xã hội hóa;

- Văn bản số 3854/VPCP-KSTT ngày 09/5/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

- Một số văn bản, tài liệu khác có liên quan.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH (*Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Quyết định với các quy định trong văn bản đã giao quy định chi tiết*)

1. Ý kiến chung

Nội dung chính của dự thảo văn bản quy định tại Chương II (*Chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành nội vụ*) của dự thảo Quy chế, trong đó Chương này quy định 07/08 loại báo cáo đã được quy định tại các văn bản của Trung ương, cụ thể:

(1) Báo cáo sơ kết, tổng kết: Quy định tại Điều 11, Điều 12 Thông tư số 08/2019/TT-BNV ngày 10/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ;

(2) Báo cáo kết quả nghỉ hưu đúng tuổi và thôi việc đối với cán bộ, công chức theo Nghị định số 46/2010/NĐ-CP: Quy định tại Văn bản số 2870/BNV-TCBC ngày 26/6/2018 của Bộ Nội vụ;

(3) Báo cáo kết quả xét nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ: Quy định tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

(4) Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Quy định tại Điều 44 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ Quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Biểu số 0207.N/BNV-CBCCVC kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ;

(5) Báo cáo kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức: Quy định tại Biểu số 0206.N/BNV-CBCCVC kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ;

(6) Báo cáo vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập: Quy định tại khoản 6 Điều 14 Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

(7) Báo cáo đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức: Quy định tại Điều 29 Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức (*sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 88/2017/NĐ-CP*); Biểu số: 0205.N/BNV-CBCCVC kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ;

- Khoản 2 Điều 8 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 *“2. Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác”*.

- Gạch đầu dòng thứ hai, điểm a khoản 3 Mục I Văn bản số 3854/VPCP-KSTT ngày 09/5/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và Nghị định số 61/2018/NĐ-CP có nêu:

“I. Về thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP

...3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

...- Chế độ báo cáo định kỳ các cơ quan Trung ương đã quy định và áp dụng cho các cấp chính quyền thì Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện thống nhất theo quy định; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ ban hành chế độ báo cáo phục vụ mục tiêu quản lý của tỉnh chưa được quy định tại văn bản của cơ quan Trung ương”.

- Điều 13 Thông tư số 08/2019/TT-BNV ngày 10/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ quy định:

“Điều 13. Đối với các chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ không quy định tại Thông tư này

1. Đối với các chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ đang có hiệu lực thi hành theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP¹.

¹ Khoản 3 Điều 32 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP quy định:

“3. Các chế độ báo cáo do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bị bãi bỏ.

Trước ngày 01 tháng 6 năm 2019, bộ, cơ quan, địa phương ban hành văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các chế độ báo cáo do cơ quan mình ban hành nhằm đáp ứng các quy định tại Nghị định này”.

2. Các chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành trước khi Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục có hiệu lực thi hành đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bị bãi bỏ.

3. Các chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ ban hành sau khi Thông tư này có hiệu lực thì phải thực hiện đúng các nguyên tắc, yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và của Thông tư này”.

Ngoài ra, việc dự thảo văn bản quy định lại các văn bản của Trung ương có thể dẫn đến sai thẩm quyền, thiếu tính ổn định khi chế độ báo cáo tại các văn bản của Trung ương bị sửa đổi, bổ sung, thay thế hay bãi bỏ; hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định chưa có lý giải sự cần thiết ban hành đổi từng loại báo cáo nêu trên nên chưa đủ cơ sở để xác định mức độ phù hợp khi ban hành chế độ báo cáo với nguyên tắc tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 08/2019/TT-BNV “4. Chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ chỉ được ban hành khi thật sự cần thiết để phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cấp có thẩm quyền trong lĩnh vực Nội vụ”.

Từ các vấn đề nêu trên, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa dự thảo văn bản theo hướng đối với các loại báo cáo đã được quy định tại các văn bản của Trung ương, đề nghị không quy định lại, trường hợp cần thiết phải quy định làm cơ sở để UBND tỉnh thực hiện chế độ báo cáo đối với cấp trên thì có thể quy định thời hạn gửi báo cáo, các nội dung khác nên quy định theo hướng dẫn chi tiết thực hiện.

2. Ý kiến cụ thể

2.1. Điều 4 (Tên báo cáo, tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo)

- Khoản 1, điểm b quy định:

“b) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm được tính từ ngày 01 tháng 12 của năm trước đến ngày 31 tháng 5 của năm báo cáo. Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ hằng năm được tính từ ngày 01 tháng 12 của năm trước đến ngày 30 tháng 11 của năm báo cáo”.

+ Tuy nhiên, Điều 9 Thông tư số 08/2019/TT-BNV quy định:

“Điều 9. Thời gian chốt số liệu trong chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ

Thời gian chốt số liệu trong chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ thực hiện theo các quy định tại Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP”.

+ Khoản 3, khoản 4 Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP quy định:

“3. Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

4. Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo”.

Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp.

- Khoản 3, quy định:

“Báo cáo kết quả xét nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ theo Thông tư số 08/2014/TTr-BNV ngày 31/7/2014 của Bộ Nội vụ.

a) Tần suất thực hiện báo cáo: Thực hiện 01 năm/lần;

b) Thời gian lấy số liệu báo cáo: Năm trước liền kề với thời điểm báo cáo.

c) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 15/4 hằng năm”.

Tuy nhiên, điểm d khoản 7 Điều 4 Thông tư số 08/2013/TT-BNV quy định:

“1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có trách nhiệm trao đổi với cấp ủy và Ban Chấp hành công đoàn cùng cấp thực hiện:

d) Định kỳ vào quý IV hằng năm, có văn bản báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp tình hình và những vướng mắc trong việc thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở cơ quan, đơn vị theo mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này; số người thuộc tỷ lệ được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc và số người dư ra dưới 10 người của cơ quan, đơn vị mình ở năm sau liền kề”.

Như vậy, theo quy định của Thông tư số 08/2013/TT-BNV thì cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hàng năm phải thực hiện chế độ báo cáo chế độ nâng bậc lương, trong đó bao gồm cả nâng lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn (bao gồm cả trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ và nâng bậc lương trước thời hạn trong trường hợp đã có thông báo nghỉ hưu), thời hạn gửi báo cáo là “trong quý IV hằng năm” trước thời hạn các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải gửi báo cáo về Sở Nội vụ tại dự thảo Quy định.

- Khoản 6, quy định:

“6. Báo cáo kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức

a) Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 01 năm/lần.

b) Thời gian lấy số liệu báo cáo định kỳ: Năm trước liền kề với thời điểm báo cáo.

c) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 30/7 hằng năm”.

Tuy nhiên, khoản 6 Điều 4 Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ quy định:

“6. Thời hạn báo cáo: Ngày nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc bên trái của từng biểu mẫu thống kê”.

Tại góc bên trái của biểu số 0206.N/BNV-CBCCVC ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV quy định ngày Vụ Công chức- Viên chức, Bộ Nội vụ nhận báo cáo là **ngày 28 tháng 02 năm sau**.

- Khoản 7 quy định:

“7. Báo cáo vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập (quy định tại khoản 7 Điều 12, khoản 6 Điều 14 Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.

a) *Tuần suất thực hiện: 01 lần/năm.*

b) *Thời gian lấy số liệu báo cáo định kỳ: Năm trước liền kề với thời điểm báo cáo.*

c) *Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 10/12 hằng năm”.*

Tuy nhiên, khoản 7 Điều 12 Nghị định số 41/2012/NĐ-CP quy định trách nhiệm báo cáo của “*Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập*”. Khoản 6 Điều 14 Nghị định số 41/2012/NĐ-CP quy định “*Điều 14. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 6. Tổng hợp, báo cáo về vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập gửi về Bộ Nội vụ chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm*” nên đề nghị xem xét quy định thời gian lấy số liệu báo cáo định kỳ là “*Năm trước liền kề với thời điểm báo cáo*” tại điểm c khoản 7 Điều 4 dự thảo Quy định nêu trên.

2.2. Điều 5 (Mẫu Đề cương báo cáo và biểu mẫu số liệu báo cáo)

- Khoản 1 quy định Mẫu Đề cương báo cáo và các biểu mẫu sử dụng để tổng hợp kèm theo báo cáo sơ kết, tổng kết công tác ngành Nội vụ chi tiết hơn và bổ sung 06 biểu² so với quy định tại điểm b khoản 8 Điều 11, điểm b khoản 8 Điều 12 Thông tư số 08/2019/TT-BNV.

- Khoản 3 quy định “3. Phụ lục số 03: *Biểu số 001/XLKL báo cáo, tổng hợp số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật*” khác so với Biểu số 0206.N/BNV-CBCCVC kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày

² a) Biểu số 001/TCBC: Tổng hợp số liệu tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh;

b) Biểu số 002/TCBC: Tổng hợp số liệu biên chế (người hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước cấp tỉnh);

c) Biểu số 003/CCVC: Tổng hợp số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

d) Biểu số 004/XDCQ: Tổng hợp số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã;

đ) Biểu số 005/TCBC: Tổng hợp công tác quản lý Hội;

e) Biểu số 006/XDCQ: Tổng hợp kết quả kiểm tra, rà soát hồ sơ, mốc địa giới hành chính cấp xã của huyện, thành phố.

06/3/02019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ.

- Khoản 5 quy định “5. Phụ lục số 05: a) Biểu số 001/ĐGPL báo cáo, tổng hợp kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức; b) Biểu số 002/ĐGPL báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá, phân loại viên chức” khác so với Biểu số 0205.N/BNV-CBCCVC kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/02019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ.

2.3. Ngoài ra, đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát toàn bộ dự thảo văn bản để hoàn thiện đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, đặc biệt là các nguyên tắc chung về ban hành chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 08/2019/TT-BNV.

3. Thể thức, kỹ thuật soạn thảo

Đề nghị rà soát chỉnh sửa lỗi chính tả, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Quyết định đảm bảo phù hợp với Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Vấn đề khác

Hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định chưa có ý kiến tham gia của cơ quan quản lý nhà nước về chế độ báo cáo là Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục lấy ý kiến góp ý của Văn phòng UBND tỉnh để hoàn thiện dự thảo văn bản trước khi trình UBND tỉnh theo quy định.

III. KẾT LUẬN

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến thẩm định nêu tại Phần II Báo cáo thẩm định này để hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Quyết định.

2. Sau khi hoàn chỉnh theo khoản 1 Mục III Báo cáo này, dự thảo văn bản đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Quyết định ban hành Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
 - Sở Nội vụ;
 - Giám đốc Sở;
 - Trang TTĐT STP;
 - Lưu VT, XD&KTVB.
- Loan.2b.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược